

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 4 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu  
Công trình: Sửa chữa, nâng cấp, thảm tăng cường mặt đường các tuyến  
đường tỉnh (ĐT) và một số tuyến đường kết nối Quốc lộ 1.  
Địa điểm xây dựng: tỉnh Bình Định**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị Quyết số 43/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của Hội đồng nhân tỉnh Bình Định Khóa XII kỳ họp thứ 11 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và sửa đổi, bổ sung chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm B của tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 17/3/2020 của UBND tỉnh về việc phân khai nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp cho Sở Giao thông vận tải năm 2020;*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 35/TTr-SGTVT ngày 07/4/2020, Văn bản số 430/SGTVT-GT ngày 07/4/2020 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 198/BC-SKHĐT ngày 10/4/2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Sửa chữa, nâng cấp, thảm tăng cường mặt đường các tuyến đường tỉnh (ĐT) và một số tuyến đường kết nối Quốc lộ 1, với nội dung chính như sau:

## 1. Nội dung phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

a. **Nhóm, loại, cấp công trình:** Nhóm B, công trình giao thông cấp III, IV.

b. **Chủ đầu tư:** Sở Giao thông vận tải.

c. **Địa điểm xây dựng:** Tỉnh Bình Định.

d. **Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Đảm bảo an toàn giao thông, duy trì khả năng khai thác và tuổi thọ của công trình.

### đ. Quy mô đầu tư xây dựng

- *Đối với các tuyến đường Tỉnh:* Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền mặt đường, xây dựng tăng cường lớp kết cấu mặt đường và gia cố lề trên các tuyến đường tỉnh, với tổng chiều dài  $L=74,081\text{km}$ . Cụ thể: tuyến ĐT.630 (Hoài Đức-Kim Sơn), đoạn Km12+290-Km14+550 dài  $L=2,187\text{km}$ ; tuyến ĐT.632 (Phù Mỹ-Bình Dương), đoạn Km6+982,49-Km7+108,32, Km26+214-Km27+782,85, Km32+843-Km33+400 dài  $L=2,243\text{km}$ ; tuyến ĐT.634 (Hòa Hội-Hội Sơn), đoạn Km5+050- Km7+31,10, Km9+075-Km10+969,01 dài  $L=3,878\text{km}$ ; tuyến ĐT.637 (Vườn Xoài-Vĩnh Sơn), đoạn Km4+520-Km6+18,45, Km8+550-Km9+00, Km9+00-Km11+299,44, Km14+700-Km16+890,33, Km29+237,40-Km29+503, Km29+773 -Km30+278,88, Km32+815,31-Km33+301,68, Km38+560-Km40+41,68, Km44+600-Km45+600, Km47+150-Km48+29,90, Km51+605,50- Km52+753,89 dài  $L=11,272\text{km}$ ; tuyến ĐT.638 (Chương Hòa-Long Vân) đoạn Km3+465,9- Km3+970,01, Km4+405-Km4+875,79, Km62+750-Km77+00, Km78+00- Km79+600, Km81+468 - Km92+400, Km116+600-Km117+875 dài  $L=28,811\text{km}$ ; tuyến ĐT.639 (Quy Nhơn-Tam Quan), đoạn Km7+00-Km11+00, Km46+529 - Km62+400 dài  $L=19,567\text{km}$ ; tuyến ĐT.640 (Ông Đô-Cát Tiến) đoạn Km5+00-Km10+00 dài  $L=4,895\text{km}$  và tuyến đường Quy Nhơn-Nhơn Hội đoạn Km6+170-Km7+549 dài  $L=1,228\text{km}$ , cụ thể như sau:

+ Cấp đường: Đường cấp VI đồng bằng (TCVN4054-2005) và đường đô thị (TCXDVN 104:2007).

+ Tốc độ thiết kế:  $V=30\text{km/h}$  và  $40\text{km/h}$ .

+ Bề rộng nền đường:  $B_n=6,5\text{m}$  và  $14,5\text{m}$ .

+ Bề rộng mặt đường:  $B_m=5,5\text{m}$ ;  $6,0\text{m}$  và  $13,5\text{m}$ .

+ Bề rộng lề đường:  $B_l=0,5\text{m} \times 2=1,0\text{m}$  và  $0,25\text{m} \times 2=0,5\text{m}$ .

+ Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước dọc các đoạn qua khu dân cư và các vị trí thường xuyên bị đọng nước; sửa chữa, xây dựng thay thế khe co giãn các cầu bị hư hỏng bằng ray thép và xây dựng bổ sung hệ thống an toàn giao thông.

- *Đối với các tuyến đường kết nối Quốc lộ 1:* Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Bồng Sơn - Hoài Hương, dài  $L=10,757\text{km}$  và tuyến Ngọc An - Lương Thọ, dài  $L=4,7\text{km}$  thuộc địa bàn huyện Hoài Nhơn. Cụ thể như sau:

+ Cấp đường: Đường cấp IV (TCVN4054-2005).

+ Tốc độ thiết kế:  $V=60\text{km/h}$ .

+ Bề rộng nền đường:  $B_n=9,50\text{m}$ .

- + Bề rộng mặt đường:  $B_m = 7,5m$ .
- + Bề rộng lề đường:  $B_l = 2 \times 1,0m$ .
- + Công trình thoát nước (*cầu dầm, cầu bản và cống thoát nước các loại*):
  - .Thiết kế các cầu theo tiêu chuẩn 22TCN 272-05.
  - .Khổ cầu, cống phù hợp với khổ nền đường.
  - .Xây dựng cầu vĩnh cửu bằng BTCT thường, nhịp giản đơn.
  - .Tải trọng thiết kế HL93.
  - .Khổ cầu:  $B = 8,5m + 0,5m \times 2 = 9,5m$ .
  - .Tần suất thiết kế  $P=4\%$ .

#### e. Giải pháp thiết kế

\* *Các tuyến đường tỉnh:*

- Hướng tuyến: Bám hoàn toàn theo tim tuyến hiện trạng.
- Nền đường: Cơ bản tận dụng nền đường cũ, chỉ đắp đất bù phụ lề đường, mái ta luy bị xói lở bằng đất cấp phối đồi đầm chặt K95 (*tận dụng đất đào khuôn đường*).
- Mặt đường:
  - + Đối với mặt đường hiện trạng bằng bê tông nhựa bị hư hỏng nhẹ tiến hành cào bóc lớp kết cấu bị hư hỏng, thảm hoàn trả bằng lớp bê tông nhựa C19 dày 05cm; sau đó tiến hành bù vênh và thảm tăng cường lớp bê tông nhựa C19 trên toàn bộ mặt đường.
  - + Đối với mặt đường hiện trạng bị hư hỏng nặng tiến hành đào lớp kết cấu bị hư hỏng, lu lèn tăng cường khuôn đường dày 30cm, xây dựng lớp bê tông xi măng M250 đá 2x4 dày 22cm hoàn trả cao độ mặt đường cũ; sau đó bù vênh và thảm tăng cường lớp bê tông nhựa C19 dày 05cm trên toàn bộ mặt đường. Riêng đối với các đoạn Km29+773–Km30+290, Km32+920–Km33+100, Km38+560–Km40+030, Km44+600– Km45+600, Km47+150–Km48+030, Km51+500–Km52+862 thuộc tuyến ĐT.637 tiến hành đào khuôn đường phần mặt đường mở rộng và phần mặt đường bị hư hỏng nặng, lu lèn tăng cường khuôn đường đạt độ chặt K98 dày 30cm, lót giấy dầu và đổ lớp bê tông xi măng M250 đá 2x4 dày 22cm và đoạn Km81+468-Km81+923,96 (mặt đường hiện trạng bằng BTXM bị boc tróc, trơ đá) thuộc tuyến ĐT.638 tiến hành bù vênh và xây dựng lớp đệm bằng hỗn hợp đá dăm đen 19 dày 6cm, sau đó thảm lớp bê tông nhựa C19 dày 05cm.
- Công trình thoát nước: Cơ bản tận dụng các công trình thoát nước trên tuyến hiện có, xây dựng bổ sung hệ thống rãnh thoát nước dọc bằng BTCT M200 đá 1x2 bên trên đập đan BTCT M250 đá 1x2; đồng thời, gia cố mép mặt đường đến mép rãnh bằng BTXM M250 đá 2x4 dày 22cm. Đối với khe co giãn các cầu bị hư hỏng tiến hành sửa chữa thay thế bằng khe ray thép.
- Công trình phòng hộ, an toàn giao thông: Cơ bản tận dụng hệ thống an toàn giao thông hiện có, xây dựng bổ sung vạch sơn kẻ đường, biển báo hiệu và cọc tiêu bằng BTCT theo quy chuẩn hiện hành.

\* Các tuyến đường kết nối Quốc lộ 1:

- Nền đường, lề đường: đắp bằng cấp phối đôi đầm chặt K95, mái taluy nền đắp  $m=1,5$ , mái taluy nền đào  $m=1$ .

- Mặt đường: Đối với mặt đường mở rộng và mặt đường hiện trạng bị hư hỏng nặng tiến hành đào khuôn đường mở rộng kết hợp đào lớp kết cấu bị hư hỏng, lu lèn tăng cường khuôn đường dày 30cm, xây dựng lớp bê tông xi măng M250 đá 2x4 dày 22cm; sau đó bù vênh và thảm tăng cường lớp bê tông nhựa C19 dày 05cm trên toàn bộ mặt đường. Riêng đối với đoạn Km0+00–Km0+280 thuộc tuyến Ngọc An-Lương Thọ tận dụng hoàn toàn mặt đường hiện trạng tiến hành đổ lớp BTXM M250 đá 2x4 dày 18cm, sau đó thảm tăng cường lớp bê tông nhựa C19 dày 05cm và đoạn Km6+056-Km10+757 thuộc tuyến Bồng Sơn-Hoài Hương (trùng với tuyến đường công vụ phục vụ thi công dự án Đường ven biển) tận dụng hoàn toàn nền mặt đường của đường công vụ.

- Công trình thoát nước:

+ Xây dựng cầu dầm  $L=2 \times 12$ m tại Km0+206,36 tuyến Ngọc An-Lương Thọ và cầu dầm  $L=12$ m tại Km 7+217,6 tuyến Bồng Sơn-Hoài Hương như sau:

.Mặt cắt ngang gồm 5 dầm chủ bằng BTCT thường 30Mpa, chiều cao dầm 92cm, lan can bằng thép mạ kẽm, gờ lan can bằng BTCT 25Mpa, gối cầu sử dụng loại gối cao su bản thép, khe co giãn bằng thép dạng ray.

.Mố, trụ cầu bằng BTCT 25Mpa, móng mố, trụ bằng cọc BTCT 40x40cm 30Mpa.

+ Cầu bản hộp, cống thoát nước: Cầu bản hộp, cống hộp kết cấu bằng bê tông và bê tông cốt thép; cống tròn dùng ống cống BTLT đúc sẵn. Các cống còn tốt thiết kế tận dụng và nối dài, mở rộng đảm bảo khổ nền đường xây dựng mới, các cống hư hỏng xây dựng mới đảm bảo khả năng thoát nước.

+ Đối với khe co giãn các cầu hiện trạng bị hư hỏng tiến hành sửa chữa thay thế bằng khe ray thép, gia cố mái taluy nền đường một số đoạn xung yếu bằng lớp BTXM và xây dựng một số đoạn rãnh thoát nước dọc bằng BTCT bên trên đập đan BTCT.

- Công trình phòng hộ, an toàn giao thông: Xây dựng hệ thống vạch sơn kẻ đường, biển báo hiệu và cọc tiêu bằng BTCT theo quy chuẩn hiện hành.

**g. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:** Các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

**h. Tổng mức đầu tư xây dựng: 239.480.191.000 đồng** (Hai trăm ba mươi chín tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, một trăm chín mươi một ngàn đồng). Trong đó:

- Chi phí xây dựng :	218.554.874.000	đồng;
- Chi phí QLDA:	3.194.875.000	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	9.978.173.000	đồng;
- Chi phí khác:	1.900.757.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	5.851.512.000	đồng;
<b>Tổng cộng</b>	<b>239.480.191.000</b>	<b>đồng.</b>

**i. Nguồn vốn:** Nguồn vốn Quỹ bảo trì đường bộ, ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác của tỉnh.

**k. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2020 - 2024.

**l. Tổ chức thực hiện:** Theo Luật Xây dựng và Luật Đấu thầu.

**2. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:** *Chi tiết có Phụ lục kèm theo.*

**Điều 2.** Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K19 (M.12b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Cao Thắng**

**PHỤ LỤC**  
**KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**  
**Công trình: Sửa chữa, nâng cấp, thảm tăng cường mặt đường các tuyến đường tỉnh (ĐT)**  
**và một số tuyến đường kết nối Quốc lộ 1.**  
**Địa điểm xây dựng: tỉnh Bình Định**  
*(Kèm theo Quyết định số: \_\_\_\_\_/QĐ-UBND ngày \_\_\_\_/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh).*

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Lập HSMT, đánh giá HSDT cho các gói thầu	462,403	Vốn bảo trì đường bộ; vốn hợp pháp khác của tỉnh	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Quý II/2020	Trọn gói	30 ngày/ mỗi gói thầu
2	Tư vấn khảo sát, lập TK BVTC - Dự toán và khảo sát, cắm cọc GPMB Tuyến đường Ngọc An - Lương Thọ	3,962,889		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II/2020	Trọn gói	30 ngày
3	Tư vấn thẩm tra TK BVTC - Dự toán	310,347		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý II/2020	Trọn gói	15 ngày
4	Tư vấn kiểm toán, quyết toán dự án hoàn thành	<b>791.141</b> <i>(Trong đó: CP kiểm toán, QT: 771.845; Chi phí DP(2,5%): 19.296)</i>		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Năm 2021	Trọn gói	60 ngày

5	<b>Gói thầu xây lắp số 01:</b> Toàn bộ khối lượng Sửa chữa, nâng cấp, thảm tăng cường mặt đường tuyến đường ĐT.637: Đoạn từ Km4+520 - Km6+00; Km8+550 - Km9+180; Km9+180 - Km11+300; Km14+700 - Km16+700; Km29+773 Km30+290; Km32+920 - Km33+100; Km38+560 - Km40+030; Km44+600 - Km45+600; Km47+150 - Km48+030 và Km51+500 - Km52+862.	<p style="text-align: center;"><b>21.020.083</b></p> <i>(Trong đó: Chi phí XD: 20.507.398; Chi phí dự phòng (2,5%): 512.685)</i>	Vốn bảo trì đường bộ; vốn hợp pháp khác của tỉnh	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II/2020	Trọn gói	120 ngày	
6	<b>Gói thầu xây lắp số 02:</b> Toàn bộ khối lượng Sửa chữa, nâng cấp, thảm tăng cường mặt đường tuyến đường ĐT.638: Đoạn từ Km3+513 - Km3+990; Km4+390 - Km4+900; Km62+750 - Km70+ 300 và Tuyến đường ĐT.630 đoạn từ Km12+290 - Km14+398.	<p style="text-align: center;"><b>23.563.373</b></p> <i>(Trong đó: Chi phí XD: 22.988.657; Chi phí dự phòng (2,5%): 574.716).</i>			Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II/2020	Trọn gói	120 ngày
7	<b>Gói thầu xây lắp số 03:</b> Toàn bộ khối lượng Sửa chữa, nâng cấp, thảm tăng cường mặt đường tuyến đường ĐT.632: Đoạn từ Km7+050 - Km7+150; Km26+214 - Km27+700 và Km31+500 - Km33+450 và Tuyến đường ĐT634: Đoạn từ Km5+019 - Km7+027; Km9+075 - Km11+00.	<p style="text-align: center;"><b>15.437.341</b></p> <i>(Trong đó: Chi phí XD: 15.060.821; Chi phí dự phòng (2,5%): 376.520).</i>			Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý II/2020	Trọn gói	90 ngày

8	<b>Gói thầu xây lắp số 04:</b> Toàn bộ khối lượng Sửa chữa, nâng cấp, thảm tăng cường mặt đường tuyến đường ĐT.638: Đoạn từ Km70+300 - Km77+00; Km78+00 - Km79+600; Km81+468 - Km92+400 và Km116+600- Km117+800	<b>33.026.114</b> (Trong đó: Chi phí XD: 32.220.599; Chi phí dự phòng (2,5%): 805.515)	Vốn bảo trì đường bộ; vốn hợp pháp khác của tỉnh	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II/2020	Trọn gói	120 ngày
9	<b>Gói thầu xây lắp số 05:</b> Toàn bộ khối lượng Sửa chữa, nâng cấp, thảm tăng cường mặt đường tuyến đường ĐT.639: Đoạn từ đoạn Km7 - Km11+00 và Km46+529 - Km62+400	<b>33.772.538</b> (Trong đó: Chi phí XD: 32.948.818; Chi phí dự phòng (2,5%): 823.720).		Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II/2020	Trọn gói	120 ngày
10	<b>Gói thầu xây lắp số 06:</b> Toàn bộ khối lượng Sửa chữa, nâng cấp, thảm tăng cường mặt đường tuyến đường ĐT.640: Đoạn từ Km5+00 - Km10+00 và tuyến đường Quy Nhơn - Nhơn Hội: Đoạn Km6+170 - Km7+549	<b>14.883.787</b> (Trong đó: Chi phí XD: 14.520.768; Chi phí dự phòng (2,5%): 363.019).		Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý II/2020	Trọn gói	90 ngày
11	<b>Gói thầu xây lắp số 07:</b> Toàn bộ khối lượng Tuyến đường Ngọc An - Lương Thọ: Đoạn từ Km0+00 - Km0+753,63	<b>15.242.081</b> (Trong đó: Chi phí XD: 14.870.323; Chi phí dự phòng (2,5%): 371.758).		Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý II/2020	Trọn gói	150 ngày



12	<b>Gói thầu xây lắp số 08:</b> Toàn bộ khối lượng Tuyến đường Ngọc An - Lương Thọ: Đoạn Km0+753,63 - Km4+700	<b>23.885.854</b> (Trong đó: Chi phí XD: 23.303.272; Chi phí dự phòng (2,5%): 582.582).	Vốn bảo trì đường bộ; vốn hợp pháp khác của tỉnh	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II/2020	Trọn gói	150 ngày
13	<b>Gói thầu xây lắp số 09:</b> Toàn bộ khối lượng Tuyến đường Bồng Sơn - Hoài Hương đoạn từ Km0+00- Km3+568,94	<b>25.439.141</b> (Trong đó: Chi phí XD: 24.818.674; Chi phí dự phòng (2,5%): 620.467).		Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II/2020	Trọn gói	150 ngày
14	<b>Gói thầu xây lắp số 10:</b> Toàn bộ khối lượng Tuyến đường Bồng Sơn - Hoài Hương: Đoạn từ Km3+568,94- Km6+056 và hoàn thiện hệ thống thoát nước đoạn Km6+056 - Km10+757	<b>17.748.433</b> (Trong đó: Chi phí XD: 17.315.544; Chi phí dự phòng (2,5%): 432.889).		Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý II/2020	Trọn gói	150 ngày
15	Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình gói thầu xây lắp số 01 và 02	<b>569.776</b> (Trong đó: Chi phí giám sát: 555.879; Chi phí dự phòng (2,5%): 13.897).		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II/2020	Trọn gói	Theo thời gian thi công
16	Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình gói thầu xây lắp số 03 và 04	<b>619.363</b> (Trong đó: Chi phí giám sát: 604.257; Chi phí dự phòng (2,5%): 15.106).		Vốn bảo trì đường bộ; vốn hợp pháp khác của tỉnh	Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II/2020	Trọn gói

17	Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình gói thầu xây lắp số 05 và 06	<b>621.828</b> <i>(Trong đó: Chi phí giám sát: 606.661; Chi phí dự phòng (2,5%): 15.167).</i>	Vốn bảo trì đường bộ; vốn hợp pháp khác của tỉnh	Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II/2020	Trọn gói	Theo thời gian thi công
18	Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình gói thầu xây lắp số 07 và 08	<b>500.055</b> <i>(Trong đó: Chi phí giám sát: 487.859; Chi phí dự phòng (2,5%): 12.196).</i>		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II/2020	Trọn gói	Theo thời gian thi công
19	Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình gói thầu xây lắp số 09 và 10	<b>551.937</b> <i>(Trong đó: Chi phí giám sát: 538.475; Chi phí dự phòng (2,5%): 13.462).</i>		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II/2020	Trọn gói	Theo thời gian thi công
<b>Tổng cộng giá trị các gói thầu: 232.408.484.000 đồng</b> <i>(Hai trăm ba mươi hai tỷ, bốn trăm lẻ tám triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng)./.</i>								